

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 88/2022/HS-ST
Ngày: 08-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST – HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Minh N, sinh năm 1994 tại A; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã P, huyện B, tỉnh D; nơi đăng ký tạm trú: 258/42 T, Phường 2, Quận 8, Thành phố K; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Bí và bà Nguyễn Thị Diệu; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân quận P1, Thành phố H áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 101/QĐ/TA ngày 06 tháng 11 năm 2018, chấp hành xong ngày 22 tháng 02 năm 2020. Ngày 20-01-2021, Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 6, Thành phố H ra Quyết định số 373/QĐ-UBND về việc đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội Nhị Xuân để quản lý cắt con, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 11-5-2018, Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 6, Thành phố H ra Quyết định số 109/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 20-01-2018. Ngày 23-06-2021, Ủy ban nhân dân phường Hiệp Tân, Quận P1, Thành phố H ra Quyết định số 243/QĐ-UBND về việc đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội Nhị Xuân để quản lý cắt con, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 16-9-2021, Ủy ban nhân dân phường H, quận P1, Thành phố H ra Quyết định số 109/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 23-6-2021 ; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29-12-202; có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Vĩnh P, sinh ngày 18-6-2004; nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh A; chỗ ở hiện nay: khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh D, vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Trung T, sinh năm 1995; nơi cư trú: khu phố 3A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L; chỗ ở hiện nay: 305 B1, phường H, quận P1, Thành phố H, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1997; nơi cư trú: phường K, quận M, Thành phố H, vắng mặt.

3. Bà Lê Thị Minh O, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp N, xã L, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 22 tháng 12 năm 2021, Phạm Minh N và Nguyễn Chí H đến huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương để giải quyết việc riêng của N. Do trời tối nên cả hai thuê phòng tại nhà nghỉ Hậu Nhi thuộc khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh D để ngủ qua đêm. Đến sáng ngày 23 tháng 12 năm 2021, Phạm Minh N cùng với Nguyễn Chí H đến quán cà phê không có tên của gia đình ông Lê Văn X để uống nước. Tại đây, N nói với Lê Vĩnh P (là con trai ông X): “em chờ anh đi gặp người tên S để lấy tiền nha” thì P đồng ý. Sau đó, Lê Vĩnh P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu đen xanh, biển số 67N1 - 550.50 chở theo N đi lấy tiền. Trên đường đi, N có nói với P là “em chở anh tới khu nhà trọ kiếm thằng tên S dùm anh, nó thiếu tiền anh không trả”. Nghe vậy, P điều khiển xe mô tô chở N đến vị trí nhà số G26-06 khu nhà ở xã hội Becamex trên đường N9 - LH, thuộc ấp C, xã H, huyện B, tỉnh D còn N ngồi phía sau xe nói với P “dừng xe, tới rồi”. Lúc này cả hai đang đậu xe bên đường, đối diện với dãy nhà trọ. Tại đây, N nói với P “em đi vào trong dãy trọ kiếm người tên S có nhà không, rồi ra báo lại anh để anh vô lấy tiền”. Nghe N nói vậy P đồng ý, sau đó P khóa cổ xe lại rồi đi bộ băng qua đường. Thấy xe khóa cổ nên N nói với P “đưa chìa khóa để anh đẩy xe qua đường”, P quay lại đưa chìa khóa cho N rồi băng qua đường đi vào trong dãy trọ. Nhân lúc P đi vào bên trong dãy nhà trọ cách chỗ N đứng khoảng 10 đến 15 mét thì N khởi động xe nổ máy rồi nhanh chóng bỏ chạy. Ngay lúc này, P quay lại phía sau phát hiện N đã lấy xe của mình bỏ chạy nên hô to “Cướp, cướp” và đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô trên, N điều khiển xe về gần nhà nghỉ Hậu Nhi, điện thoại cho Nguyễn Chí H ra và chở H về nhà trọ của H tại Thành phố H, còn N điều khiển xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ tên Anh Tuấn do ông Hoàng Trung Thông quản lý. Sau khi trao đổi, ông Thông đồng ý cầm cố xe mô tô trên với giá 16.000.000 đồng. Sau khi bị N chiếm đoạt xe mô tô, P đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc trên. Đến ngày 29 tháng 12 năm 2022, N đến thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương gặp bạn thì bị Công an huyện Bàu Bàng phát hiện và bắt giữ. Thu giữ: 01

xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu đen xanh, biển số: 67N1-550.50, số khung MH1JM5117LK723103, số máy JM5E1722908. Xe mô tô trên là của gia đình anh P mua vào tháng 01 năm 2021 với trị giá là 46.300.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HDDG ngày 02-03-2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu đen xanh, biển số: 67N1-550.50, số khung MH1JM5117LK723103, số máy JM5E1722908. Hội đồng thống nhất định giá là 40.000.000 đồng (bút lục số 21).

Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Vario 125 màu đen xanh, biển số: 67N1-550.50, số khung MH1JM5117LK723103, số máy JM5E1722908 do Lê Thị Minh Trang là chị gái ruột của Lê Vĩnh P là chủ sở hữu. Nhận thấy, xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của chị Trang, tuy nhiên chị Trang đã ủy quyền cho P đứng ra giải quyết vụ việc trên theo giấy ủy quyền ngày 08 tháng 3 năm 2022 (bút lục số 07), Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tiến hành xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe mô tô trên cho anh P theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Đối với ông Hoàng Trung T là người được ủy quyền để quản lý hoạt động của tiệm cầm đồ Anh Tuấn, ông Thông là người đã thực hiện giao dịch cầm xe cho N, tuy nhiên quá trình cầm xe, N cung cấp giấy tờ xe bản phô tô, cùng với giấy chứng minh nhân dân của N nên ông T tin tưởng và không biết tài sản do N phạm tội mà có. Do đó, không đủ yếu tố để cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Về số tiền 16.000.000 đồng, ông T không yêu cầu nhận lại số tiền trên.

Đối với Nguyễn Chí H là người đi cùng N đến huyện Bàu Bàng để N giải quyết công việc cá nhân. Sau đó, được N chở về phòng trọ. Tuy nhiên, lời khai của N và H đều khẳng định: cả quá trình N phạm tội Hán đều không biết, cũng không thỏa thuận, bàn bạc gì với nhau. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với H.

Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc cầm xe do chiếm đoạt của người khác mà có của Phạm Minh N là 16.000.000 đồng. Đề nghị truy thu của bị cáo số tiền trên.

Cáo trạng số 71/CT - VKSBB ngày 23 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử đã có cơ sở xác định: Vào khoảng 11 giờ ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại nhà của Lê Vĩnh P, bị cáo Phạm Minh N nhờ P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu đen xanh, biển số: 67N1 - 550.50, số khung MH1JM5117LK723103, số máy JM5E1722908 chở N đi đòi nợ một người tên S (không có thật). Khi cả hai đến nhà số G26-06 khu nhà ở xã hội Becamex trên đường N9 - LH, thuộc ấp C, xã L, huyện B, tỉnh D thì N đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe mô tô 67N1-550.50. Trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 40.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam và vì động cơ tư lợi nên đã cố ý phạm tội. Do đó cần có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có. Tuy nhiên, về nhân thân bị cáo là đối tượng bị đưa đi cai nghiện bắt buộc nhiều lần ở địa phương.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ông Hoàng Trung T có hành vi cầm cố tài sản nhưng không biết tài sản bị cáo mang đi cầm là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, hành vi của ông T không đủ yếu tố

cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hành vi cầm cố tài sản không chính chủ của ông T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã có công văn đề nghị Công an quận P1, Thành phố H xử phạt hành chính đối với hành vi của T theo quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi cầm xe mô tô của bị hại cho ông Tg với số tiền 16.000.000 đồng, bị cáo sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Ông T không yêu cầu nhận lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị hại anh Lê Vĩnh P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 125 màu đen xanh, biển số: 67N1-550.50, số khung MH1JM5117LK723103, số máy JM5E1722908, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Đối với số tiền mà bị cáo thu lợi từ hành vi phạm tội là 16.000.000 đồng. Đây là tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại số tiền trên vào Ngân sách nhà nước.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106, các Điều 136, 260, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Minh N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: xử phạt bị cáo Phạm Minh N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-12-2021.

2. Buộc bị cáo Phạm Minh N nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

3. Về án phí: bị cáo Phạm Minh N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai